|  |  |
| --- | --- |
| BỘ CÔNG THƯƠNG  **CỤC QUẢN LÝ VÀ PHÁT TRIỂN THỊ TRƯỜNG TRONG NƯỚC** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** |
| Số: /TTTN-PC  V/v phối hợp cung cấp thông tin chuyên mục về hướng dẫn cho các địa phương trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ | *Hà Nội, ngày tháng 8 năm 2025* |

Kính gửi: Vụ Tổ chức cán bộ

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước nhận được văn bản số 4052/TCCB-TC ngày 21/8/2025 của Vụ Tổ chức cán bộ về việc phối hợp cung cấp thông tin chuyên mục về hướng dẫn cho các địa phương trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ. Qua rà soát, Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước có ý kiến như sau:

1. Đầu mối cung cấp thông tin trên Cổng Thông tin điện tử của Bộ:

- Họ tên: Phan Thành Trung

- Đơn vị: Phòng Chính sách - Pháp chế

- Số điện thoại: 0945.345.514

2. Tài liệu tập huấn cụ thể tại Phụ lục I, Phụ lục II, Phụ lục III, Phụ lục IV kèm theo văn bản này.

Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước gửi Vụ Tổ chức cán bộ tổng hợp./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận:***  - Như trên;  - Các đ/c Phó Cục trưởng;  - Các Phòng: VP, XD, CC, HT;  - Lưu: VT, PC (trungpht). | **CỤC TRƯỞNG**  **Trần Hữu Linh** |

**PHỤ LỤC I**

*(Kèm theo văn bản số /TTTN-PC ngày tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)*

**HƯỚNG DẪN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN TỚI**

**LĨNH VỰC KINH DOANH KHÍ**

**I. Thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG quy định tại Điều 16 và Phụ lục IV Nghị định số 146/2025/NĐ-CP**

*1. Hồ sơ cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG*

1.1. Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu LPG/LNG/CNG theo Mẫu số 01 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP.

1.2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp.

1.3. Tài liệu chứng minh có cầu cảng hoặc hợp đồng thuê cầu cảng thuộc hệ thống cầu cảng Việt Nam được cấp có thẩm quyền cho phép sử dụng.

1.4. Bản sao Giấy chứng nhận kết quả kiểm định kỹ thuật an toàn lao động bồn chứa.

1.5. Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

1.6. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu kinh doanh LPG chai ngoài các giấy tờ quy định tại các điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 khoản này phải bổ sung các giấy tờ sau:

a) Bản sao Giấy chứng nhận kiểm định chai LPG còn hiệu lực;

b) Bản sao Giấy chứng nhận hợp quy đối với chai LPG.

1.7. Đối với thương nhân xuất khẩu, nhập khẩu khí qua đường ống ngoài các giấy tờ quy định tại các điểm 1.2, 1.3, 1.4, 1.5 khoản này phải bổ sung tài liệu chứng minh có đường ống vận chuyển khí hoặc hợp đồng thuê đường ống vận chuyển khí; bản sao Giấy chứng nhận kiểm định đường ống còn hiệu lực và tài liệu chứng minh có trạm cấp khí đáp ứng các quy định về an toàn, phòng cháy và chữa cháy theo quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và pháp luật có liên quan.

*2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện*

2.1. Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

2.2. Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

2.3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

2.4. Giấy chứng nhận đủ điều kiện có thời hạn hiệu lực là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

*3. Cấp lại, điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện*

3.1. Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện được cấp lại trong trường hợp: Bị mất, sai sót hoặc bị hư hỏng;

b) Nội dung, thời hạn Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng;

c) Hồ sơ, thủ tục cấp lại gồm: Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

d) Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện.

3.2. Điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện

a) Giấy chứng nhận đủ điều kiện được điều chỉnh trong trường hợp thay đổi về đăng ký kinh doanh; thay đổi địa điểm trụ sở chính; thay đổi thông tin liên quan đến thương nhân đăng ký;

b) Hồ sơ, thủ tục điều chỉnh gồm: Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP; Giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi;

c) Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận đủ điều kiện không thay đổi.

*4. Thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện*

Thương nhân bị thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện có trách nhiệm gửi Giấy chứng nhận đủ điều kiện đến cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày có quyết định thu hồi.

*5. Điều khoản chuyển tiếp:*

Các nội dung chuyển tiếp liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP như sau:

- Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

- Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được viện dẫn trong các quy định tại Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền tương ứng của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

- Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

**II. Thẩm quyền, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai quy định tại Điều 14 và Phụ lục V Nghị định số 139/2025/NĐ-CP**

*1. Trình tự, thủ tục cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai*

1.1. Thương nhân đáp ứng đầy đủ các điều kiện quy định tại Điều 10 Nghị định số 87/2018/NĐ-CP gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc qua mạng điện tử đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

1.2. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai bao gồm:

a) Giấy đề nghị cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo Mẫu số 05 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP;

b) Bản sao hợp đồng bán LPG chai với thương nhân có giấy chứng nhận đủ điều kiện còn hiệu lực;

c) Tài liệu chứng minh đáp ứng các điều kiện về phòng cháy và chữa cháy.

1.3. Trường hợp thương nhân chưa đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung.

1.4. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ và hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, thẩm định và cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp Giấy chứng nhận phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

1.5. Thương nhân khi nộp hồ sơ đề nghị Ủy ban nhân dân cấp xã cấp Giấy chứng nhận đủ điều kiện phải nộp phí thẩm định điều kiện kinh doanh hàng hóa, dịch vụ hạn chế kinh doanh; hàng hóa, dịch vụ kinh doanh có điều kiện trong lĩnh vực thương mại theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí hiện hành.

1.6. Giấy chứng nhận đủ điều kiện có thời hạn hiệu lực là 10 năm kể từ ngày cấp mới.

*2. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai*

2.1. Trong trường hợp cần cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 45 Nghị định 87/2018/NĐ-CP, thương nhân gửi Giấy đề nghị cấp lại Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định 87/2018/NĐ-CP đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

2.2. Trên cơ sở kiểm tra hồ sơ cấp Giấy chứng nhận được lưu, trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp lại Giấy chứng nhận. Nội dung, thời hạn Giấy chứng nhận cấp lại không thay đổi. Giấy chứng nhận cấp lại phải có quy định hủy bỏ hiệu lực của Giấy chứng nhận bị mất, sai sót, hư hỏng.

*3. Trình tự, thủ tục điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai*

3.1. Trong trường hợp cần điều chỉnh Giấy chứng nhận đủ điều kiện cửa hàng bán lẻ LPG chai theo quy định tại điểm a khoản 2 Điều 45 Nghị định 87/2018/NĐ-CP, thương nhân gửi Giấy đề nghị điều chỉnh Giấy chứng nhận theo Mẫu số 12 tại Phụ lục kèm theo Nghị định số 87/2018/NĐ-CP và giấy tờ, tài liệu liên quan chứng minh nội dung thay đổi đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt địa điểm kinh doanh.

3.2. Trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã cấp điều chỉnh Giấy chứng nhận. Thời hạn hiệu lực của Giấy chứng nhận không thay đổi.

*4. Điều khoản chuyển tiếp:*

Các nội dung chuyển tiếp liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP như sau:

- Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được quy định trong Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

- Đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền có thủ tục hành chính, cơ quan, tổ chức, người tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp thực hiện thủ tục hành chính như đối với thủ tục hành chính hiện hành, trừ trường hợp được quy định cụ thể tại Nghị định này. Trên cơ sở thủ tục hành chính hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền có thể quy định cụ thể phù hợp với tình hình địa phương, nhưng phải bảo đảm không làm tăng thêm thủ tục thành phần hồ sơ, thời hạn, chi phí giải quyết thủ tục hành chính.

- Các nội dung công việc, nhiệm vụ đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thụ lý, giải quyết được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã gắn với phạm vi địa bàn của người dân, doanh nghiệp tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Nghị định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều phối nhiệm vụ này.

- Các hồ sơ, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp ban hành trước ngày nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên hồ sơ, giấy tờ đó cho đến khi hết thời hạn. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại hồ sơ, giấy tờ thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết.

**PHỤ LỤC II**

*(Kèm theo văn bản số /TTTN-PC ngày tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)*

**HƯỚNG DẪN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN TỚI**

**LĨNH VỰC KINH DOANH THUỐC LÁ**

**A. Thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá quy định tại Điều 19 và Phụ lục V Nghị định số 146/2025/NĐ-CP**

**I. Trường hợp cấp mới Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

**1. Điều kiện cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

(i) Là doanh nghiệp được thành lập theo quy định của pháp luật;

(ii) Điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 3 Điều 25 Luật phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012;

(iii) Có hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá trên địa bàn từ 02 tỉnh trở lên (tại địa bàn mỗi tỉnh, thành phố phải có tối thiểu 01 thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá);

(iv) Có văn bản giới thiệu mua bán của Nhà cung cấp sản phẩm hoặc của thương nhân phân phối thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

**2. Hồ sơ đề nghị cấp mới Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

(i). Đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá.

(ii). Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế.

(iii). Bản sao văn bản giới thiệu của các Nhà cung cấp sản phẩm thuốc lá hoặc của các thương nhân phân phối sản phẩm thuốc lá, trong đó ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

(iv). Báo cáo kết quả kinh doanh của doanh nghiệp (đối với trường hợp xin cấp lại, cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép).

(v). Bảng kê danh sách thương nhân, bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế, Giấy phép kinh doanh sản phẩm thuốc lá (nếu đã kinh doanh) của các thương nhân đã hoặc sẽ thuộc hệ thống phân phối sản phẩm thuốc lá.

**3. Trình tự, thủ tục cấp mới Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

(i). Thương nhân đề nghị cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại ( khoản 3.1.1 nêu trên), 01 bộ gửi cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá, thương nhân lưu 01 bộ.

(ii). Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, cơ quan có thẩm quyền Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá phải có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

**II. Trường hợp cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

**1. Hồ sơ cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá thương nhân phải lập 01 bộ hồ sơ gửi về cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá.

Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**2. Trình tự, thủ tục cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

2.1. Thương nhân có nhu cầu cấp bổ sung, sửa đổi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá.

2.2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**III. Cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

**1. Trong trường hợp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá hết hạn**

Trước thời điểm Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá ít nhất 30 ngày, thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá trong trường hợp tiếp tục kinh doanh. Hồ sơ, thẩm quyền, trình tự, thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

**2. Trong trường hợp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thương nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại, bao gồm:**

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá đã được cấp (nếu có).

**3. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá:**

a) Thương nhân nộp hồ sơ xin đề nghị cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá;

b) Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan có thẩm quyền xem xét và cấp lại Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá. Trường hợp thương nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**IV. Trình thự, thủ tục thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, thương nhân phải nộp bản gốc Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi. Cơ quan ra quyết định thu hồi đăng tải thông tin về việc thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đó.

**V. Điều khoản chuyển tiếp**

Các nội dung chuyển tiếp liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP như sau:

- Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

- Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được viện dẫn trong các quy định tại Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền tương ứng của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

- Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

**B. Thẩm quyền, thủ tục cấp, cấp lại, điều chỉnh, thu hồi Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá chai quy định tại Điều 5 và Phụ lục II Nghị định số 139/2025/NĐ-CP**

**I. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

1. Điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

a) Thương nhân được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Địa điểm kinh doanh không vi phạm quy định về địa điểm không được bán thuốc lá theo quy định tại khoản 2 Điều 25 Luật Phòng, chống tác hại của thuốc lá năm 2012.

2. Hồ sơ cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá

Thương nhân đủ điều kiện cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá lập 02 bộ hồ sơ theo quy định tại Điều 27 của Nghị định số 67/2013/NĐ-CP, 01 bộ gửi Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính, thương nhân lưu 01 bộ. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và Giấy chứng nhận mã số thuế;

c) Bản sao các văn bản giới thiệu của các thương nhân phân phối hoặc thương nhân bán buôn sản phẩm thuốc lá ghi rõ địa bàn dự kiến kinh doanh.

3. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá:

3.1. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã có trách nhiệm xem xét, kiểm tra, thẩm định và cấp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

3.2 Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 07 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ của thương nhân, Ủy ban nhân dân cấp xã có văn bản yêu cầu thương nhân bổ sung hồ sơ.

**II. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc**

1. Đối với trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp hết thời hạn hiệu lực, trước thời điểm hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày, thương nhân bán lẻ sản phẩm thuốc lá nộp hồ sơ xin cấp lại giấy phép trong trường hợp tiếp tục kinh doanh đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ, trình tự thủ tục cấp lại như đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá bị mất, bị tiêu hủy toàn bộ hoặc một phần, bị rách, nát hoặc bị cháy, thương nhân được cấp phép phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị cấp lại tới Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Văn bản đề nghị cấp lại;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá (nếu có).

Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp lại Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, cơ quan có thẩm quyền cấp phép sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**III. Trình tự thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá**

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá, tổ chức, cá nhân phải lập, nộp 01 bộ hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá cho Ủy ban nhân dân cấp xã nơi đặt trụ sở chính. Hồ sơ gồm:

a) Văn bản đề nghị sửa đổi, bổ sung;

b) Bản sao Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ sản phẩm thuốc lá. Trường hợp tổ chức, cá nhân không đáp ứng được điều kiện theo quy định, Ủy ban nhân dân cấp xã sẽ có văn bản trả lời từ chối cấp phép và nêu rõ lý do.

**IV. Trình thự, thủ tục thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, thương nhân phải nộp bản gốc Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi. Cơ quan ra quyết định thu hồi đăng tải thông tin về việc thu hồi Giấy phép phân phối sản phẩm thuốc lá trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đó.

**V. Điều khoản chuyển tiếp**

Các nội dung chuyển tiếp liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP như sau:

- Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được quy định trong Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

- Đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền có thủ tục hành chính, cơ quan, tổ chức, người tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp thực hiện thủ tục hành chính như đối với thủ tục hành chính hiện hành, trừ trường hợp được quy định cụ thể tại Nghị định này. Trên cơ sở thủ tục hành chính hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền có thể quy định cụ thể phù hợp với tình hình địa phương, nhưng phải bảo đảm không làm tăng thêm thủ tục thành phần hồ sơ, thời hạn, chi phí giải quyết thủ tục hành chính.

- Các nội dung công việc, nhiệm vụ đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thụ lý, giải quyết được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã gắn với phạm vi địa bàn của người dân, doanh nghiệp tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Nghị định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều phối nhiệm vụ này.

- Các hồ sơ, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp ban hành trước ngày nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên hồ sơ, giấy tờ đó cho đến khi hết thời hạn. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại hồ sơ, giấy tờ thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết.

**PHỤ LỤC III**

*(Kèm theo văn bản số /TTTN-PC ngày tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)*

**HƯỚNG DẪN THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LIÊN QUAN TỚI**

**LĨNH VỰC KINH DOANH RƯỢU**

**A. Thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép phân phối rượu quy định tại Điều 20 và Phụ lục VI Nghị định số 146/2025/NĐ-CP**

**I. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu**

**1. Hồ sơ đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu (01 bộ) bao gồm:**

1.1. Đơn đề nghị cấp Giấy phép phân phối rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP.

1.2. Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc giấy tờ có giá trị pháp lý tương đương.

1.3. Tài liệu về hệ thống phân phối rượu gồm một trong hai loại sau:

a) Bản sao hợp đồng nguyên tắc, thư xác nhận hoặc bản cam kết tham gia hệ thống phân phối rượu kèm bản sao Giấy phép bán buôn rượu của thương nhân dự kiến tham gia hệ thống phân phối rượu;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký hoạt động chi nhánh của doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký địa điểm kinh doanh của doanh nghiệp để kinh doanh rượu.

1.4. Tài liệu liên quan đến nhà cung cấp rượu:

a) Bản sao các văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu khác hoặc nhà cung cấp rượu ở nước ngoài, trong đó ghi rõ các loại rượu dự kiến kinh doanh phù hợp với hoạt động của các nhà cung cấp rượu;

b) Trường hợp nhà cung cấp rượu là thương nhân trong nước cần có bản sao Giấy phép sản xuất rượu hoặc Giấy phép phân phối rượu.

**2. Trình tự, thủ tục cấp Giấy phép phân phối rượu**

2.1. Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu.

2.2. Trong thời hạn 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền xem xét, thẩm định và cấp Giấy phép phân phối rượu cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày, làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**II. Trình tự thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu**

**1. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép**

Trường hợp có thay đổi các nội dung của Giấy phép phân phối rượu, thương nhân phải gửi hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung về cơ quan quản lý nhà nước có thẩm quyền, bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

**2. Thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép**

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp giấy phép;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép phân phối rượu theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thảm quyền Giấy phép phân phối rượu phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**III. Trình tự, thủ tục cấp lại Giấy phép phân phối rượu**

**1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực**

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

**2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng**

a) Hồ sơ đề nghị cấp lại (01 bộ) bao gồm:

Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

b) Cơ quan cấp giấy phép căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để cấp lại giấy phép;

c) Thời hạn của giấy phép sẽ được giữ nguyên như cũ.

**3. Thủ tục cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng**

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu;

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, cơ quan có thẩm quyền cấp Giấy phép phân phối rượu phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**IV. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép phân phối rượu**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, thương nhân phải nộp bản gốc Giấy phép phân phối rượu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi. Cơ quan ra quyết định thu hồi đăng tải thông tin về việc thu hồi Giấy phép phân phối rượu trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đó.

**V. Điều khoản chuyển tiếp**

Các nội dung chuyển tiếp liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 7, khoản 8 và khoản 9 Nghị định số 146/2025/NĐ-CP như sau:

- Các hồ sơ thủ tục hành chính đã được cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận hồ sơ trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành thì cơ quan có thẩm quyền đã tiếp nhận hồ sơ tiếp tục thực hiện theo quy định của văn bản quy phạm pháp luật tại thời điểm tiếp nhận hồ sơ.

- Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được viện dẫn trong các quy định tại Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền tương ứng của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

- Văn bản, giấy tờ đã được cơ quan, chức danh có thẩm quyền ban hành, cấp trước ngày Nghị định này có hiệu lực thi hành mà chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn sử dụng thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo quy định của pháp luật cho đến khi hết thời hạn hoặc được sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ, hủy bỏ, thu hồi bởi cơ quan, chức danh tiếp nhận chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn hoặc cơ quan, người có thẩm quyền.

**B. Thẩm quyền, trình tự thủ tục cấp, cấp điều chỉnh, cấp lại, thu hồi Giấy phép bán lẻ rượu quy định tại Điều 7 và Phụ lục IV Nghị định số 139/2025/NĐ-CP**

**I. Trình tự, thủ tục đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu**

1. Điều kiện bán lẻ rượu

a) Là doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh được thành lập theo quy định của pháp luật;

b) Có quyền sử dụng hợp pháp địa điểm kinh doanh cố định, địa chỉ rõ ràng;

c) Có văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

2. Thương nhân đủ điều kiện bán lẻ rượu nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp Giấy phép bán lẻ rượu theo Mẫu số 01 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, hợp tác xã, liên hiệp hợp tác xã hoặc hộ kinh doanh;

c) Bản sao hợp đồng thuê/mượn hoặc tài liệu chứng minh quyền sử dụng hợp pháp cơ sở dự kiến làm địa điểm bán lẻ;

d) Bản sao văn bản giới thiệu hoặc hợp đồng nguyên tắc của thương nhân sản xuất rượu, thương nhân phân phối rượu hoặc thương nhân bán buôn rượu.

3. Trong thời hạn 10 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ đầy đủ, hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét, thẩm định và cấp giấy phép cho thương nhân. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

4. Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**II. Trình tự thủ tục cấp lại Giấy phép bán lẻ rượu**

1. Trường hợp cấp lại do hết thời hạn hiệu lực

Thương nhân phải nộp hồ sơ đề nghị cấp lại giấy phép đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính trước thời hạn hết hiệu lực của giấy phép 30 ngày. Hồ sơ, thẩm quyền, thủ tục cấp lại đối với quy định tại khoản này áp dụng như quy định đối với trường hợp cấp mới.

2. Trường hợp cấp lại giấy phép do bị mất hoặc bị hỏng

a) Thương nhân nộp hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính. Hồ sơ bao gồm: Đơn đề nghị cấp lại theo Mẫu số 03 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP và bản gốc hoặc bản sao giấy phép đã cấp (nếu có);

b) Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã căn cứ vào hồ sơ đã lưu và hồ sơ đề nghị cấp lại của thương nhân để xem xét và cấp lại giấy phép theo Mẫu số 07 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Thời hạn của giấy phép được giữ nguyên như cũ.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã phải có văn bản yêu cầu bổ sung. Trường hợp từ chối cấp phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

**III. Trình tự thủ tục cấp sửa đổi, bổ sung Giấy phép bán lẻ rượu**

1. Trường hợp có thay đổi các nội dung của giấy phép, thương nhân phải nộp 01 bộ hồ sơ trực tiếp hoặc qua đường bưu điện hoặc trực tuyến (nếu đủ điều kiện áp dụng) đến Ủy ban nhân dân cấp xã nơi thương nhân đặt trụ sở chính.

2. Hồ sơ đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép bao gồm:

a) Đơn đề nghị cấp sửa đổi, bổ sung theo Mẫu số 02 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP;

b) Bản sao giấy phép đã được cấp;

c) Các tài liệu chứng minh nhu cầu sửa đổi, bổ sung.

3. Trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ, Ủy ban nhân dân cấp xã xem xét và cấp sửa đổi, bổ sung giấy phép theo Mẫu số 06 ban hành kèm theo Nghị định số 105/2017/NĐ-CP. Trường hợp từ chối cấp sửa đổi, bổ sung phải trả lời bằng văn bản và nêu rõ lý do.

Trường hợp chưa đủ hồ sơ hợp lệ, trong vòng 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ, Ủy ban nhân dân cấp xã sửa đổi, bổ sung giấy phép phải có văn bản yêu cầu bổ sung.

**IV. Trình tự, thủ tục thu hồi Giấy phép bán lẻ rượu**

Trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được quyết định thu hồi giấy phép, thương nhân phải nộp bản gốc Giấy phép bán lẻ rượu cho cơ quan nhà nước có thẩm quyền đã ra quyết định thu hồi. Cơ quan ra quyết định thu hồi đăng tải thông tin về việc thu hồi Giấy phép bán lẻ rượu trên cổng thông tin điện tử hoặc trang thông tin điện tử của cơ quan đó.

**V. Điều khoản chuyển tiếp**

Các nội dung chuyển tiếp liên quan thực hiện theo quy định tại khoản 1, khoản 2, khoản 3 và khoản 4 Nghị định số 139/2025/NĐ-CP như sau:

- Các mẫu đơn, biểu mẫu ban hành kèm theo các Nghị định được quy định trong Nghị định này được điều chỉnh, sử dụng theo thẩm quyền của cơ quan, tổ chức đã được phân định tại Nghị định này.

- Đối với những nhiệm vụ, thẩm quyền có thủ tục hành chính, cơ quan, tổ chức, người tiếp nhận nhiệm vụ, thẩm quyền khi thực hiện chính quyền địa phương hai cấp thực hiện thủ tục hành chính như đối với thủ tục hành chính hiện hành, trừ trường hợp được quy định cụ thể tại Nghị định này. Trên cơ sở thủ tục hành chính hiện hành, Ủy ban nhân dân cấp tỉnh theo thẩm quyền có thể quy định cụ thể phù hợp với tình hình địa phương, nhưng phải bảo đảm không làm tăng thêm thủ tục thành phần hồ sơ, thời hạn, chi phí giải quyết thủ tục hành chính.

- Các nội dung công việc, nhiệm vụ đang được Ủy ban nhân dân cấp huyện, cơ quan chuyên môn thuộc Ủy ban nhân dân cấp huyện thụ lý, giải quyết được chuyển giao cho Ủy ban nhân dân cấp xã gắn với phạm vi địa bàn của người dân, doanh nghiệp tiếp tục thụ lý, giải quyết theo thẩm quyền, trách nhiệm quy định tại Nghị định này. Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh chịu trách nhiệm hướng dẫn, điều phối nhiệm vụ này.

- Các hồ sơ, giấy tờ đã được cơ quan, người có thẩm quyền phân cấp ban hành trước ngày nghị định này có hiệu lực thi hành và chưa hết hiệu lực hoặc chưa hết thời hạn thì tiếp tục được áp dụng, sử dụng theo thời hạn ghi trên hồ sơ, giấy tờ đó cho đến khi hết thời hạn. Trường hợp tổ chức, cá nhân có nhu cầu được sửa đổi, cấp lại hồ sơ, giấy tờ thì có văn bản đề nghị cơ quan, tổ chức, đơn vị, cá nhân được phân cấp giải quyết.

**PHỤ LỤC IV**

*(Kèm theo văn bản số /TTTN-PC ngày tháng 8 năm 2025 của Cục Quản lý và Phát triển thị trường trong nước)*

**HƯỚNG DẪN THỦ LIÊN QUAN TỚI**

**LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHỢ**

**A.** **Phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực quản lý và phát triển chợ tại Nghị định số 146/2025/NĐ-CP**

**I . Về chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ Về phát triển và quản lý chợ**

Điều 21. Phân cấp nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương tại Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ như sau “Nhiệm vụ, quyền hạn của Bộ Công Thương về chỉ đạo, tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ về phát triển và quản lý chợ quy định tại điểm b khoản 1 Điều 38 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện”.

Quy định như trên phù hợp với nguyên tắc tạo chủ động cho địa phương; phù hợp với yêu cầu phát triển chợ riêng của từng tỉnh; phù hợp với nguồn nhân lực, cơ sở vật chất sau khi thực hiện tổ chức chính quyền địa phương 02 cấp và nguồn kinh phí ngân sách nhà nước cấp chi thường xuyên để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn…

Bồi dưỡng nghiệp vụ nhằm nâng cao kiến thức và kỹ năng chuyên môn của các đối tượng có liên quan để đáp ứng yêu cầu công việc thông qua nhiều hình thức như khóa học, hội thảo, diễn đàn…

Việc tổ chức bồi dưỡng nghiệp vụ theo nhu cầu của từng chợ, từng địa phương (an toàn thực phẩm tại chợ, phòng chống cháy nổ, chuyển đổi số…). Bộ Công Thương sẽ hỗ trợ tìm kiếm và mời giảng viên nếu địa phương có như cầu.

**II. Nội dung khác về tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại Chương IV Nghị định số 60/2024/NĐ-CP**

Tài sản kết cấu hạ tầng chợ do nhà nước đầu tư, quản lý theo quy định tại Chương IV Nghị định số 60/2024/NĐ-CP còn được điều chỉnh tại Nghị định số 125/2025/NĐ-CP quy định về phân định thẩm quyền của chính quyền địa phương 02 cấp trong lĩnh vực quản lý nhà nước của Bộ Tài chính và Nghị định 127/2025/NĐ-CP quy định về phân cấp cấp thẩm quyền quản lý Nhà nước trong lĩnh vực quản lý, sử dụng tài sản công.

Điều 8 Nghị định 127/2025/NĐ-CP phân cấp Chủ tịch UBND cấp tỉnh phê duyệt đề án cho thuê, chuyển nhượng có thời hạn quyền khai thác tài sản kết cấu hạ tầng chợ liên quan đến quốc phòng, an ninh, không phải báo cáo Thủ tướng Chính phủ chấp thuận chủ trương trước khi phê duyệt.

Điều 17 Nghị định 125/2025/NĐ-CP quy định nhiệm vụ, quyền hạn của cơ quan chuyên môn về tài sản kết cấu hạ tầng chợ cấp huyện được quy định tại khoản 2 Điều 15, khoản 2 Điều 17, điểm a khoản 3 Điều 29 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP do UBND cấp xã thực hiện; Nhiệm vụ, quyền hạn của UBND cấp huyện được quy định tại Điều 17, điểm b khoản 2, điểm a khoản 4 Điều 24, điểm a khoản 4 Điều 25, điểm b, điểm c khoản 2 Điều 28, điểm a khoản 3 Điều 29, điểm b khoản 2 Điều 30, điểm b khoản 2 Điều 31 Nghị định số 60/2024/NĐ-CP do UBND cấp xã thực hiện. Để thực hiện được các nội dung này cần sự phối hợp chặt chẽ của các cơ quan có liên quan tại địa phương và đặc biệt là hướng dẫn của ngành tài chính.

Về hướng dẫn thực hiện thủ tục hành chính có liên quan, Bộ Công Thương và Bộ Tài chính đang rà soát để công bố thủ tục hành chính có liên quan.

**B. Phân định thẩm quyền trong lĩnh vực quản lý chợ tại Nghị định số 139/2025/NĐ-CP**

Điều 17. Trách nhiệm của Ủy ban nhân dân cấp xã trong lĩnh vực quản lý chợ quy định “*Ủy ban nhân dân cấp xã thực hiện nhiệm vụ trong lĩnh vực quản lý chợ quy định tại**điểm a khoản 8 Điều 38;**điểm 1 Mục I Phụ lục II; Mục V Phụ lục II Nghị định số 60/2024/NĐ-CP ngày 05 tháng 6 năm 2024 của Chính phủ về phát triển và quản lý chợ*”. Theo đó, việc thực hiện nội dung phân định được thực hiện như sau:

Quản lý nhà nước về chợ theo phân công của của Ủy ban nhân dân tỉnh phù hợp với tình hình thực tế tại địa phương và quy định hiện hành.

Thành lập Ban chuyển đổi mô hình quản lý chợ tùy vào nhu cầu, điều kiện, tình hình cụ thể của từng địa phương.

Niêm yết công khai Phương án chuyển đổi mô hình chợ tại trụ sở Ủy ban nhân dân cấp xã nơi có chợ chuyển đổi, trên trang thông tin điện tử theo quy định và trụ sở ban quản lý chợ để tổ chức, cá nhân liên quan được biết.